

VĂN BIA CHÙA THÁNH DUYÊN

Núi Thúy Vân và chùa Thánh Duyên

Có lẽ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, khu vực phía đông nam vừa hùng vĩ vừa nên thơ bậc nhất. Đầm rộng núi cao, biển trời bát ngát, tất cả chan hòa một màu xanh tươi thắm trữ tình. Thật vậy, vũng Cầu Hai là phần mở rộng của phá Tam Giang, xưa gọi là phá Hà Trung, Lê Quý Đôn từng nói đến trong *Phủ Biên tạp lục*; thời Nguyễn gọi là Hải Nhi, đũa con của biển, vua Thiệu Trị xếp vào Thần kinh nhị thập cảnh và có thơ vịnh khắc vào bia đá.

Cũng trong bức tranh sơn thủy hữu tình ấy, núi Thúy Vân và chùa Thánh Duyên như những nét bút cuối cùng mà Hóa công và con người điểm xuyết vào làm cho cảnh trí càng thêm ý vị. Núi tên cũ là Mỹ Am Sơn, gọi theo tên làng sở tại, chưa thấy Dương Văn An giới thiệu trong *Ô Châu cận lục*, năm 1825, vua Minh Mạng đổi tên làm núi Thúy Hoa, rồi vua Thiệu Trị vì húy tên mẹ nên đổi Thúy Vân, và hình như sau đó, thời Tự Đức lại đổi làm Thúy Anh.⁽¹⁾ Theo *Đại Nam thực lục* và *Đại Nam nhất thống chí*, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần tuần du qua chơi, không rõ năm nào, cho dựng một ngôi chùa nhỏ trên sườn núi làm nơi cầu phúc và ban tên núi là Thúy Am; chùa đã được trùng tu một lần vào năm 1692 thời Nguyễn Phúc Chu. Tuy nhiên xưa kia đây đã có sẵn danh lam rồi và đã từng được Đào Duy Từ⁽²⁾ mô tả trong bài *Tư Dung vãn*:

“...Chốn thanh gọi một danh lam,
 Ước tay tiêu sái mới cam dựa nhờ.
 Linh chi rưới nước ma a,
 Trân cầm chiu chít, kỳ hoa lãng tằng.
 Thiên thê từng vện đòi tằng,
 Bước lên nga đã thấy chùng ngọc kinh.
 Tay tiên chống vững thạch bình,
 Tam quan trông thấy uy linh động người.
 Xưa kia ba chữ tốt tươi,
 Rằng Khuông Hải tự kết vời huyền đô.
 Rõ ràng sơn điểm phấn tô,
 Bên tranh cửu lão, bên đồ bát tiên.
 Chuông đâu vừa động mái thiên,
 Mây lành kết đóa, trái tiên phơi màu.

*Cuộc trời lộng lộng trước sau,
 Từ bi nọ các, tiêu diêu ấy đên.
 Kíp thâu thế giới ba nghìn,
 Danh sơn có một danh chiền đâu hai.”*

Qua những dòng thơ ấy, chúng ta thấy khá cụ thể cảnh ngôi danh lam cổ tự trên núi Mỹ Am với cái tên Khuông Hải, kiến trúc tráng lệ nguy nga, dù cho tác giả cố ý vẽ vời thêm theo lối “ngoạ ngữ”, “khoa trương”, ngoài Phật điện, còn có gác Từ Bi, đền Tiêu Diêu (nếu xem đó là hai đặc danh)... Tả cảnh chùa như vậy, Đào Duy Từ không thể không nói đến tăng:

*“Thơ thôi vẫy gọi thiền tăng,
 Cảnh này thú ấy vui chẳng hời thầy?
 Nghêu ngao tắm suối nằm mây,
 Thị phi mặc thế, tháng ngày thung dung.
 Lầu lầu gương sáng giá trong,
 Vui niềm sơn đỏ, lánh vòng bạc đen.
 Người đà nên đáng cao thiên,
 Phật dầu chưa hẳn, ắt tiên đã gần...”*

Xem thế đủ biết núi non, chùa chiền, sư tăng thừa đầu thế kỷ XVII ở đây đã đầy đủ, trang nghiêm. Nhưng rồi sau đó, trải qua một thời gian dài mấy chục năm, tuy không có chiến tranh gì, nhưng chùa cũng hoang tàn, đổ nát, chắc vì thiếu thầy trụ trì coi sóc, để mặc cho gió mưa tàn phá. Đến giữa thế kỷ XVII, chúa Hiền mới trùng hưng làm nơi cầu phúc cho dân cho nước như sách *Đại Nam thực lục tiền biên* viết. Qua thời Tây Sơn, Mỹ Am - Linh Thái nằm trong tuyến phòng thủ cửa Tư Dung do Đô đốc Phan Văn Sách và Phò mã Nguyễn Văn Trị trấn thủ, chẳng ai quan tâm đến chùa chiền. Thời Nguyễn, năm 1825, vua Minh Mạng lên núi chơi, ban cho dân một trăm quan tiền để sửa miếu thờ thần, đổi tên núi là Thúy Hoa, cũng chẳng nói gì đến ngôi danh lam cổ tự, có lẽ lúc ấy chẳng còn gì nữa. Năm 1836, vua lại về viếng cảnh và dụ: “*Núi Thúy Vân (sic) và núi Linh Thái ở cửa biển Tư Hiền khói biếc bao quanh, mây xanh hợp lại, là chỗ khí thiêng chung đúc. Hoàng Tổ Hiển Tôn Hiếu Minh Hoàng đế vì dân cầu phúc, từng dựng chùa thờ Phật ở hai núi ấy, chiếm riêng một bầu trời tốt đẹp, trước nhân binh biến, cửa Phật thành ra gò cồn (...). Nay chuẩn cho dựng lên ở núi Thúy Vân (sic) một chùa, một gác, một tháp, chùa gọi là chùa Thánh Duyên, gác gọi là gác Đại Từ, tháp gọi là tháp Điều Ngự; dựng một chùa một lầu ở núi Linh Thái, chùa gọi là chùa Trấn Hải, lầu gọi là lầu Vọng Hải, để cho tượng Phật có vẻ trang nghiêm cùng với núi cao biển trong cùng lâu dài mãi...”*⁽³⁾ Sau đó, vua cho làm thêm tăng xá, nhà bếp

bên tả chùa, đình Tiến Sảng sau tháp, và hành cung, giếng nước dưới chân núi. Vua Thiệu Trị húy tên mẹ, đổi thành núi Thúy Vân, đầu thời Tự Đức gọi là núi Thúy Anh, nhưng rồi tên Thúy Vân vẫn được thông dụng⁽⁴⁾ cho đến nay. Ngôi chùa cổ Thánh Duyên cũng được trùng tu nhiều lần, hiện còn hai tấm bia, tấm dưới chân núi khắc bài tựa và bài thơ *Vân Sơn thắng tích*, một trong hai mươi cảnh đẹp đất Thần kinh của vua Thiệu Trị, tấm trên nhà tầng lớn hơn, khắc nhiều bài thơ của vua Minh Mạng (*Thánh Duyên tự chiêm lễ bát vận, Đại Từ các, Đăng Điều Ngự tháp, Thúy Hoa sơn hành cung tức cảnh lục vận*) và gần đây được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp bằng công nhận di tích quốc gia theo Quyết định số 310 - QĐ/BT ngày 13/2/1996.

Văn bia tại chùa Thánh Duyên

1. Bia khắc văn thơ của vua Minh Mạng

Nhà chùa chỉ có một tấm bia duy nhất đặt tại bi đình phía bên phải ngoài chính điện, nơi tọa lạc của tầng xá và trù thất. Bia bằng đá thanh, cao 2,00m, rộng 1,20m, dày 0,30m. Đầu bia phía trên trang trí lưỡng long triều nguyệt, phía dưới chạm hình sen cánh phượng; chung quanh diềm bia chạm hoa văn dây lá, hoa cúc. Mặt bia khắc chữ chân phương 22 dòng kể cả lạc khoản, nhan đề *Ngự chế Thánh Duyên tự chiêm lễ bát vận*, nhưng ngoài bài thơ ấy, còn có ba bài nữa và những lời chú tản văn theo lối song cước cổ; nếu dịch như nguyên tác thì bài thơ bị cắt vụn ra, rất khó đọc, nên chúng tôi đổi lại theo lối hiện đại, đánh dấu thứ tự bằng chữ cái a, b, c... và đặt xuống cuối bài thơ.

Tạm dịch:

Bài thơ tám vắn vua làm: Đi xem lễ chùa Thánh Duyên

Dấu xưa tàn hồng cả,	Khánh ngân vang núi thẳm,
Chùa mới đã dựng xong. ^(a)	Kinh đọc quyện cây đồng.
Tượng báu ⁽⁵⁾ mây lạnh phủ,	Non vắng xanh tươi vẽ,
Thân vàng ⁽⁶⁾ ánh tuệ phong.	Cảnh xinh khoan khoái lòng.
Sau lưng sườn núi tựa,	Mẹ già ⁽⁷⁾ cầu thọ mãi,
Trước mặt bên đầm trong. ^(b)	Con đỏ hưởng ơn chung.
Đón khách, chim đường đá,	Dày dặn nhân xưa đó,
Đưa người, hoa cửa thông.	Thân này dám kể công!

Gác Đại Từ⁽⁸⁾

Tầng gác lưng chừng núi,
Cúi nhìn ánh nắng hây.
Cheo leo trăm bậc đá,

Chón chở mấy tầng mây.
 Cõi bắc triều che chắn,
 Miền nam núi bủa vây.
 Tít mù quanh lối ngõ,
 Quạnh vắng rợp rừng cây.
 Hoa tự lung trời rụng,⁽⁹⁾
 Hương đang giữa ngọ bay.
 Chân như nơi thẳm địa,
 Biển khắc Đại Từ đây.

Lên tháp Điều Ngự⁽¹⁰⁾

Vòi vọi đầu non tháp báu phơi,
 Trèo lên mười bậc khỏe như chơi.
 Bốn bề trông rộng mênh mông đất,
 Ba bậc vưon cao bát ngát trời.
 Điều Ngự nghìn năm còn đứng mãi,
 Pháp luân muôn thừa vẫn quay vời.^(c)
 Xem kinh diệu đế dù chưa tỏ,
 Lòng thiện tràn dâng đã rõ mười.

Bài thơ sáu vịnh hành cung⁽¹¹⁾ núi Thúy Hoa

Vách sau sườn núi dựng,
 Cửa trước bên đầm khơi.
 Non Thái bắc ra biển,
 Hòn Đồi nam chống trời.^(d)
 Mắt trông xa bát ngát,
 Lòng nhẹ thoáng thanh thoi.
 Gió mát vừa đưa lại,
 Nắng mai đã sáng ngời.
 Cây sườn mây phủ rợp,
 Hoa núi móc nhuần tươi.
 Kinh ngọ ngân nga trỗi,
 Chuông khuya vắng vắng rơi...

Ngày tốt tháng Ba năm Đinh Dậu, Minh Mạng thứ 18 [1837].⁽¹²⁾

Kính khắc.

Nguyên chú:

(a) Núi này thời xưa có rất nhiều chùa miếu, đều do đức Hoàng tổ Hiếu Minh Hoàng đế⁽¹³⁾ xây dựng, sau trải qua trận giặc Tây Sơn, sụp đổ gần hết. Năm trước, ta từng đến chơi, nghĩ rằng danh sơn thắng tích không nên để cho vùi lấp mất đi; huông chi đây là nơi đức Hoàng tổ ta vì dân cầu phúc. Cho nên vào đầu năm sau, nhân lễ kỷ niệm ngày sinh lần thứ bảy mươi của đức Thánh mẫu Hoàng thái hậu, bèn mở rộng lòng lành, nêu cao duyên thánh, vào ngày tốt mùa thu, ta cho dựng chùa tại nền cũ,⁽¹⁴⁾ gọi là chùa Thánh Duyên, ý nói để giữ lại dấu vết của đức Hoàng tổ vậy. Ta có làm câu đối rằng:

Thánh tức là Phật, Phật tức là Thánh, có Thánh kia nên phép Phật mới mở mang rộng rãi;⁽¹⁵⁾

Duyên vốn ở nhân, nhân vốn ở duyên, có duyên ấy thì nhân lành mới lan tỏa bao la.

Lại phía sau ở lưng chừng núi, dựng một gác, gọi là gác Đại Từ; sau nữa ở đỉnh núi, dựng một tháp, gọi là tháp Điều Ngự. Tháng Giêng năm nay làm xong,⁽¹⁶⁾ kính thờ các Phật. Vì lúc ấy đầu xuân chưa rảnh mà đến chơi được; nay ba xuân ầm áp, muôn việc thanh thoi, ta thân đẩy xe loan lên chơi danh thắng. Điện chùa rực rỡ, tượng báu trang nghiêm, lòng thánh vui tươi, bước đi khỏe khoắn, nhìn ta bảo: “Có thể nói là hoàng đế khéo nói khéo làm vậy!”⁽¹⁷⁾ Ta là đứa con nhỏ, cảm tạ không dám nhận, chẳng qua trên thì nhờ lòng lành của Hoàng tổ, thỏa ý tốt của Hoàng mẫu, để cầu cho đức mẹ sống lâu, dưới thì mong thần dân được vui khỏe, tốt lúa giàu mùa, thuận buồm xuôi gió, trong ấm ngoài êm. Ấy thực là lòng nguyện ước của ta vậy.

(b) Tức là vụng Hà Trung [nay gọi là đầm Cầu Hai].

(c) Trên tháp Điều Ngự dựng cột đồng, bánh xe pháp đều gắn chuông nhỏ, gió tám hướng thường di động, gần xa đều nghe tiếng. Tháp gồm ba tầng, tầng trên thờ Trung Thiên Điều Ngự Thích Ca Mâu Ni Văn Phật và Tây Thiên Cực Lạc Pháp Vương; tầng giữa thờ Nhân Gian Điều Ngự Phúc Bị Quân Sinh Vạn Thiện Chí Tôn; tầng dưới thờ Địa Phủ Điều Ngự Minh Sát Sâm Nghiêm Diêm La Chủ Tể. Danh hiệu Trung Thiên Điều Ngự và Pháp Vương thấy chép trong kinh, còn hai tên sau thì do ý kiến của ta sáng tạo đầu tiên đó. Địa Phủ Điều Ngự là chuyện huyền hoặc chẳng nói làm gì, đến như Nhân Gian Điều Ngự mà gọi là Phúc Bị Quân Sinh Vạn Thiện Chí Tôn, nếu ai hỏi là có hay không, thì ta đáp: Có chứ! Đây, các vị vua ở đời đạt đến bậc thánh như Nghiêu Thuấn, hoặc những nhân chủ các triều đại Việt Nam và Trung Quốc mà ơn đức thấm khắp mọi người, đời sau còn hưởng nhờ phúc ấm, không có gì đáng hổ thẹn mà đức có thể nêu gương, thì nhà Thích gọi là Phật, nhà Nho gọi là Giác, ắt phép tắc có thể làm bậc thầy tiêu biểu,

thờ cúng thì có thể an ủi, vỗ về chúng sinh, không có gì sai trái, xét theo lý cũng chẳng mâu thuẫn chút nào!

(d) Núi Linh Thái đầu quay về hướng bắc, vươn ra biển; núi Cao Đồi bên kia bờ về phía nam, không núi nào ở vùng kinh kỳ cao như nó.⁽¹⁸⁾

2. Bia khắc bài thơ “Vân Sơn thắng tích” của vua Thiệu Trị

Tạm dịch:

Thắng tích núi Thúy Vân

Núi Thúy Vân sừng sững, xanh tốt rườm rà, ngoài ra biển cả, trong ngó đầm sâu. Cung phạm đất lành, ngày Phật sáng soi nơi tứ đại; ven trời tháp cổ, bánh xe quay mãi chón tam thiên. Tre thắm thông cao, đậy hắt non thiêng Thửu Lĩnh; hoa vàng cỏ mượt, rõ kia cõi bụt Kỳ Viên. Cảnh trời tự tại thanh u; vùng đất từ bi cực lạc. Ấy là danh thắng thứ chín ở chón Thần kinh vậy.

Ba xuân sừng sững sắc xanh đông,
 Ân náu quanh co những rấn rồng.
 Rừng thắm chuông ngân theo gió huệ,
 Biển thiêng hương thoảng tự hang không.
 Mây lành cây quyện lưng trời biếc,
 Guốc sãi đường qua giữa bụi hồng.
 Duyên thánh dắt người về nẻo thiện,
 Chứng nhân, dấu Phật rõ ràng trong.

Ngày tốt tháng Bảy nhuận năm Thiệu Trị thứ 3 (1843).⁽¹⁹⁾

Kính khắc một bài thơ vua làm.

CHÚ THÍCH

- (1) Theo lời chú của sử thần thời Tự Đức trong đoạn chép về sự kiện vua Minh Mạng về chơi núi Thúy Am: “*Thuyền ngự qua phòng Đông Am, hạ lệnh ngự giá lên núi Thúy Am, thấy có cái miếu cổ bỏ hoang, cho dân ấy 100 quan tiền sai sửa lợp lại, đặt tên là núi Thúy Hoa (nay đổi làm núi Thúy Anh)...*”.
- (2) Đào Duy Từ (1572 - 1634) người làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn (nay huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa), con của ông Đào Tá Hán làm linh quan trong đội nhạc triều vua Lê Anh Tông (1557 - 1573), mẹ là Vũ Kim Chi, con gái của Vũ Đạm tiên chỉ làng Ngọc Lâm, huyện Lục An (Thanh Hóa). Đào Duy Từ tuy theo nghề cha, nhưng cũng chăm chỉ học tập, muốn lập công danh sự nghiệp bằng con đường khoa cử, ghi tên dự khoa Hương thí, chẳng may bị đuổi, vì luật định đối với con nhà xướng ca. Ông trốn vào Nam, đến tận phủ Hoài Nhân (sau là Quy Nhơn), ở chẵn trâu cho nhà phú hộ xã Tùng Châu. Ít lâu, nhà phú hộ biết ông không phải là kẻ tầm thường, đem giới thiệu với quan Khâm lý Trần Đức Hòa. Hòa mời về nhà dạy học, gả con gái cho, rồi tiến cử lên chúa. Chúa Sãi tiếp ông tại phủ Phước Yên (1627), phong chức

Nha úy, hàm Nội tán, tước Lộc Khê hầu. Ông giúp chúa tổ chức quân đội, đắp hệ thống lũy Thầy (gồm lũy Đồng Hới, lũy Mũi Dùi, lũy Trường Dục) để chống quân Trịnh xâm nhập Đàng Trong. Ông cũng là tổ của ngành nghệ thuật Tuồng Bình Định và nhiều vũ khúc cung đình Huế. Ông ốm nặng và mất ngày 17 tháng Mười năm Giáp Tuất (7/12/1634), chúa Sãi sai đưa tang về xã Tùng Châu, quê mới của ông. Tác phẩm để lại có *Tư Dung văn*, *Ngọa Long cương ngâm* (đều thơ lục bát), *Hồ tướng khu cơ* (binh pháp).

- (3) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 13, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr.113 - 114. Lúc này, núi mang tên Thúy Hoa, các quan ở Nội Các thời Tự Đức lấy tên đồi sau mà gán vào, chắc vì sợ phạm húy.
- (4) Thúy Vân đây là mây xanh, mây biếc; có người hiểu sai thành mây say, vì đọc “翠 thúy” thành “túy” và cho rằng “醉” là say!
- (5) Tượng báu: Chùa còn rất nhiều tượng cổ có giá trị cao, tôn trí ở chính điện, “Hai bên có hai dãy sập để tôn trí thờ Thập Điện Minh Vương. Mỗi bên gần sát vách thờ năm tượng; tiếp đến vào trong thì thờ hai dãy tượng thập bát La Hán, mỗi bên chín tượng. Dãy bên trái có tượng Bồ Đề Đạt Ma tọa thiền. Đối qua bên phải có Địa Tạng cầm tích tượng ngồi trên con thanh sư. Vị trí hai tượng này ở giữa hai dãy tượng nói trên” (Hà Xuân Liêm, *Những chùa tháp Phật giáo ở Huế*, sđd, tr. 328).
- (6) Thân vàng: chỉ tượng đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vì vàng là thứ kim loại không hoại nát, cho nên ví với thân Phật (thân pháp chứ không phải thân vật chất).
- (7) Mẹ già: chỉ bà Trần Thị Dương (1769-1846), mẹ của vua Minh Mạng, được tấn tôn Hoàng thái hậu năm 1821, dâng hiệu Nhân Tuyên Từ Khánh Thái hoàng Thái hậu năm 1846.
- (8) Gác Đại Từ ở lưng chừng sườn núi, phía sau điện Phật đi lên mấy chục bậc đá. Gác vốn hai tầng, tầng trên ba gian, tầng dưới ba gian hai chái, nhưng trong thập niên 90 của thế kỷ XX chúng tôi chỉ thấy một tầng, có lẽ do đợt trùng tu năm 1941 bỏ bớt tầng trên, mà cũng đổ nát rất nặng, không biết ngày nay có được trùng tu, trùng kiến chưa.
- (9) Hoa trời rụng: chỉ sự màu nhiệm của Phật pháp. Theo sách *Dư địa kỷ thắng*, thời Lương Vũ Đế, pháp sư Vân Quang ngồi giảng kinh trên núi Tự Bảo (ở huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc), cảm đến trời, cho nên mưa hoa rơi xuống; vì thế, núi này có tên Vũ Hoa Đài, có nhiều đá ngũ sắc. Lại theo kinh *Pháp hoa*, Thích Tôn (Phật) đang giảng kinh *Pháp hoa*, trời mưa xuống bốn giống hoa, gọi là “vũ hoa thụ”, đó là điềm lành thứ ba trong sáu điềm lành của kinh *Pháp hoa* (1. Thuyết pháp thụ, 2. Nhập định thụ, 3. Vũ hoa thụ, 4. Địa động thụ, 5. Tâm hỷ thụ, 6. Phóng quang thụ).
- (10) Tháp Điều Ngự ba tầng, cao chỉ hơn 13m, xây trên nền đá, tiết diện hình vuông, dưới lớn trên nhỏ dần; bốn mặt mỗi tầng đều trở cửa tò vò, bên trong không còn Phật tượng, pháp khí, tự khí gì. Hai tầng dưới có lan can vây quanh, trên chóp xưa có trụ đồng gắn pháp luân treo những quả chuông nhỏ gọi là “linh” (bên trong có viên bi tròn, khi rung động, viên bi đánh vào thành chuông phát ra tiếng kêu). Tháp thờ các vị Phật có ghi trong lời Nguyên chú.
- (11) Hành cung: khu xây dựng nhà cửa dành riêng cho vua nghỉ ngơi ở các địa phương khi vua ra khỏi cung đi xa. Hành cung Thúy Hoa dựng ở dưới phía tây núi, gần bến đò Cầu Hai, nay không còn dấu vết gì.
- (12) Đối chiếu Dương lịch trong khoảng từ ngày 5/4 đến ngày 4/5 năm 1837.
- (13) Hiếu Minh Hoàng đế: tức chúa Nguyễn Phúc Chu, ở ngôi khoảng 1691-1725. Sách *Đại Nam thực lục* không nói gì đến việc Minh Vương xây dựng chùa chiền ở núi Thúy Vân.

- (14) Nền cũ: có lẽ là nền ngôi chùa cũ tên Khuông Hải tự mà Đào Duy Từ đã nói đến trong thơ *Tư Dung vấn*.
- (15) Theo ý nghĩa của vế đối, thì Thánh đây không phải là thánh chung chung, mà chỉ các vua, chúa đời trước của họ Nguyễn (Liệt thánh). Ý nói nhờ các vua chúa nhà Nguyễn chú tâm xây dựng chùa chiền mà đạo Phật được phát triển khắp xứ Đàng Trong.
- (16) Cứ theo trình tự nói đây, thì năm Minh Mạng 16 (1835), vua về chơi núi Mỹ Am, ban tên Thúy Hoa, cho dân tiền dựng miếu thờ thần (miếu này vẫn còn, ở lưng chừng sườn đông); năm Minh Mạng 17 (1836), vua hạ chỉ xây dựng chùa và các kiến trúc phụ (gác Đại Từ, tháp Điều Ngự), đến tháng Giêng năm Minh Mạng 18 (1837) thì hoàn tất, khánh thành, nhưng vua không về dự được vì bận việc, phải qua tháng Ba mới rước mẹ về thăm chùa. Mục đích làm chùa là để “giữ dấu tích của Hoàng tổ” và để “kỷ niệm thất tuần đại khánh của Hoàng thái hậu”.
- (17) Khéo nói khéo làm: “thiện kế thiện thuật”, thành ngữ chỉ con cháu nối được chí cha ông, làm cho cơ nghiệp vững bền và phát triển.
- (18) Theo miêu tả này, thì núi Cao Đồi tức nay ta gọi là núi Bạch Mã.
- (19) Dương lịch khoảng từ ngày 25 tháng 8 đến ngày 23 tháng 9 năm 1843.

PHỤ LỤC

1. Bia khắc văn thơ của vua Minh Mạng

Nguyên văn:

御製聖緣寺瞻禮八韻

殘缺昔幾盡

莊嚴今一新

(a)

祥光凝寶相

慧日炫金身

背倚翠花嶠

面臨小海濱

(b)

松關花笑客

石徑鳥迎人

磬韻穿林響

經聲繞樹頻

幽巖應勝畫

妙景可夷神

叩祝祈慈壽

禱求福子民

敢云能後述

但得闡前因

(a) 此山昔時寺宇甚多皆皇祖顯宗孝明皇帝所建後經西山賊殘毀幾盡去年曾經臨幸念名山勝蹟不可淪沒無傳况此處是我皇祖為臣民求福且開年為聖母皇太后七旬大慶爰廣推慈念充擴聖緣於是年秋吉時于舊址建寺名聖緣寺言皇祖留蹟也故予所製對聯云

聖即是佛佛即是聖有是聖方開佛法之崇深

緣本是因因本是緣有是緣乃擴善因之廣被

又於其後山腰建一閣名大慈閣後於山巔建一塔名調御塔本年正月告成敬奉諸天尊佛曩以春初來暇臨幸茲三春和暢萬機稍暇親掖安輿登斯名勝輝煌殿宇寶相莊嚴悅懌聖心康強步履願諭予曰皇帝可謂善繼善述矣予小子謝不敢當但能上副皇祖之善心次悅皇母之慈念籲祈聖母遐齡上壽家國安寧下暨臣民咸蒙康泰年豐河順內靜外安寔予之素願者也

(b) 即河中海兒

大慈閣

高閣據山腰	幽林樹密密
俯觀景色饒	曲徑路迢迢
登臨逾百級	花雨半空落
峻峙聳層霄	香風午日飄
北列群峰拱	真如居勝地
南來大海朝	金榜大慈標

登調御塔

巍峨寶塔據山巔
十級而登豈倦焉
四面遐觀臨大地
三層敲轟立中天
永留調御千秋在
常轉法輪萬古傳

(c)

內典未諳通妙諦
善心充擴悟真詮

(c) 調御塔上建銅柱法輪皆綴鈴八風常轉遠近聽聞又塔為三層上奉中天調御釋迦牟尼文佛西天極樂法王中奉人間調御福被群生萬善至尊下奉地府調御明察森嚴閻羅主宰中天調御及法王之號事見經文其二乃予之意見創始也又如地府調御幽玄亦不必說至如人間調御而號以福被群生萬善至尊或問亦有說乎曰有夫人世之君如堯舜之至聖以至南北歷朝為人主而能德澤及人後世蒙福又無慚德可指釋家之所謂佛儒家之所謂覺則法之以為師表奉之以慰群生有不可而於理亦不悖

翠花山行宮即景六韻

牆後倚山麓
窗前臨水邊
蔡頭吞北海
堆釘擎南天

(d)

縱目遐觀甚
娛心恢擴然
清風纔乍至
曙氣已潛蠲
崖樹如雲蔭
林花得雨鮮
鐘聲半夜響
午日梵音宣

(d) 靈蔡山頭向北以臨海高堆山在隔岸之南其高京畿無有比者
明命十八年丁酉三月吉日
恭鐫

Phiên âm:

Ngự chế Thánh Duyên tự chiêm lễ bát vận

Tàn khuyết tích cơ tận,	Khánh vận xuyên lâm hưởng,
Trang nghiêm kim nhất tân. ^(a)	Kinh thanh nhiều thụ tàn.
Tường quang ngưng bảo tướng,	U nham ưng thắng họa,
Tuệ nhật huyễn kim thân.	Diệu cảnh khả di thần.
Bối ý Thúy Hoa kiệu,	Khẩu chúc kỳ từ thọ,
Diện lâm Tiểu Hải tân. ^(b)	Đảo cầu phúc tử dân.
Tùng quan hoa tiểu khách,	Cảm vân năng hậu thuật,
Thạch kính điều nghênh nhân.	Đăn đắc xiển tiền nhân.

Đại Từ các

Cao các cứ sơn yêu,	U lâm thụ mật mật,
Phủ quan cảnh sắc nhiều.	Khúc kính lộ thiều thiều.
Đặng lâm du bách cấp,	Hoa vũ bán không lạc,
Tuần trí từng tầng tiêu.	Hương phong ngộ nhật phiêu.
Bắc liệt quần phong cùng,	Chân như cư thắng địa,
Nam lai đại hải triều.	Kim băng Đại Từ tiêu.

Đặng Điều Ngự tháp

Nguy nga bảo tháp cứ sơn diên,
Thập cấp nhi đặng khởi quyện yên.
Tứ diện hà quan lâm đại địa,
Tam tầng cao súc lập trung thiên.
Vĩnh lưu Điều Ngự thiên thu tại,
Thường chuyển pháp luân vận cổ truyền.^(c)

Nội điển vị am thông diệu đế,
Thiện tâm sung khoách ngộ chân thuyền.

Thúy Hoa sơn hành cung tức cảnh lục vận

Tường hậu ý sơn lộc,
Song tiền lâm thủy biên.
Thái đầu thôn bắc hải,
Đôi đỉnh kinh nam thiên.^(d)
Túng mục hà quan thậm,
Ngu tâm khôi khoách nhiên.
Thanh phong tài sạ chí,
Thự khí dĩ tiềm quyên.
Nhai thụ như vân ám,
Lâm hoa đắc vũ tiên.
Chung thanh bán dạ hưởng,
Ngọ nhật phạn âm tuyên.

Nguyên chú:

(a) Thử sơ tích thì tự vũ thậm đa, giai Hoàng tổ Hiên Tông Hiếu Minh Hoàng đế sở kiến, hậu kinh Tây Sơn tặc tàn hủy cơ tận. Khứ niên tăng kinh lâm hạnh, niệm danh sơn thắng tích bất khả luân một vô truyền. Huống thử xứ thị ngã Hoàng tổ vị thần dân kỳ phúc, thả khai niên vi Thánh mẫu Hoàng thái hậu thất tuần đại khánh, vi quảng suy từ niệm, sung khoách thánh duyên, ư thị niên thu cát thì vu cựu chỉ kiến tự danh Thánh Duyên tự, ngôn Hoàng tổ lưu tích dã. Cổ dư sở chế đối liên vân:

Thánh tức thị Phật, Phật tức thị Thánh, hữu thị Thánh phương khai Phật pháp chi sùng thâm.

Duyên bản hữu nhân, nhân bản hữu duyên, hữu thị duyên nãi khoách thiện nhân chi quảng bị.

Hựu ư kỳ hậu sơn yêu kiến nhất các danh Đại Từ các; hậu ư sơn điền kiến nhất tháp danh Điều Ngự tháp. Bản niên chính nguyệt cáo thành, kính phụng chư Thiên Tôn Phật. Nặng dĩ xuân sơ vị hạ lâm hạnh, tư tam xuân hòa sướng, vạn cơ sảo hạ, thân dịch an dư đặng tư danh thắng. Huy hoàng điện vũ, bảo tượng trang nghiêm, duyệt dịch thánh tâm, kang cường bộ lý, cố dụ dư viết: “Hoàng đế khả vị thiện kế thiện thuật hỹ!”. Dư tiểu tử tạ bất cảm đương, đăn năng thượng phó Hoàng tổ chi thánh tâm, thứ duyệt Hoàng mẫu chi từ niệm, dụ kỳ Thánh mẫu hà linh thượng thọ, gia quốc an ninh, hạ kỳ thần dân hàm mông kang thái, niên phong hà thuận, nội tĩnh ngoại an, thị dư chi tổ nguyện giả dã.

(b) Tức Hà Trung Hải Nhi.

(c) Điều Ngự tháp thượng kiến đồng trụ, pháp luân giai xuyết linh, bát phong thường chuyển, viễn cận thính văn. Hựu tháp vi tam tầng, thượng phụng Trung Thiên Điều Ngự Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, Tây Thiên Cực Lạc Pháp Vương; trung phụng Nhân Gian Điều Ngự Phúc Bị Quần Sinh Vạn Thiện Chí Tôn; hạ phụng Địa Phủ Điều Ngự Minh Sát Sâm Nghiêm Diêm La Chủ Tể. Trung Thiên Điều Ngự cập Pháp Vương chi hiệu sự kiến kinh văn; kỳ nhị nãi dư chi ý kiến sáng thủy dã. Hựu như Địa phủ u huyền diệc bất tất thuyết, chí như Nhân Gian Điều Ngự

nhi hiệu dĩ Phúc Bị Quần Sinh Vạn Thiện Chí Tôn hoặc vấn diệc hữu thuyết hồ? Viêt: Hữu. Phù! Nhân thể chi quân như Nghiêu Thuấn chi chí thánh, dĩ chí Nam Bắc lịch triều vi nhân chủ nhi năng đức trạch cập nhân, hậu thể mông phúc, hựu vô tầm đức khả chỉ, tặc Thích gia chi sở vị Phật, Nho gia chi sở vị Giác, tặc pháp chi dĩ vi sư biểu, phụng chi dĩ úy quần sinh, hữu hà bất khả, như ư lý lượng diệc bất bội.

(d) Linh Thái sơn đầu hướng bắc dĩ lâm hải; Cao Đồi sơn tại cách ngàn chi nam, kỳ cao kinh kỳ vô hữu tỷ giả.

Minh Mạng thập bát niên, Đinh Dậu thất nguyệt cát nhật cung thuyên.

2. Bia khắc thơ của vua Thiệu Trị

Nguyên văn:

雲山勝蹟

翠雲山聳翠岑嶽壑青紛郁外臨溟濶內瞰海兒淨土梵宮佛日增輝于四大摩空古塔法輪常轉于三天翠竹長松信是靈山鷲嶺黃花細草儼然香國祇園清幽之自在天極樂之慈悲境是為神京之第九名勝也

積翠巒岏不計春	樹戀慈雲浮碧落
蚪龍隱伏列嶙峋	徑穿僧屐雜紅塵
惠風鐘度幽林響	聖緣普濟咸歸善
空谷香羅法海津	佛蹟增光自有人

紹治三年閏七月吉日

恭鐫御製詩一首

Phiên âm:

Vân Sơn thắng tích

Thúy Vân sơn tủng thúy sầm khâm hư thanh phân úc, ngoại lâm Minh bột, nội khám Hải nhi. Tịnh thổ phạm cung, Phật nhật tăng huy vu tứ đại; ma không cổ tháp, pháp luân thường chuyển vu tam thiên. Thúy trúc trường tủng, tín thị linh sơn Thửu Lĩnh; hoàng hoa tế thảo, nghiêm nhiên hương quốc Kỳ Viên. Thanh u chi tự tại thiên, cực lạc chi từ bi cảnh. Thị vi Thần kinh chi đệ cửu danh thắng dã.

Tích thúy toàn ngoan bất kế xuân,
Đầu long ẩn phục liệt lân tuân.
Huệ phong chung độ u lâm hưởng,
Không cốc hương la pháp hải tân.
Thụ luyện từ vân phù bích lạc,
Kính xuyên tăng kích tạp hồng trần.
Thánh duyên phổ tế hàm quy thiện,
Phật tích tăng quang tự hữu nhân.

Thiệu Trị tam niên nhuận thất nguyệt cát nhật.

Cung thuyên ngự chế thi nhất thủ.